

CURRENT STATUS OF KNOWLEDGE, ATTITUDES, AND PRACTICES REGARDING SCHOOL VIOLENCE PREVENTION AMONG STUDENTS AT CA MAU MEDICAL COLLEGE IN 2025 AND RELATED FACTORS

Le Minh Thoi¹, Ho Dac Thoan^{2,3*}

¹*Ca Mau Medical College - 146 Nguyen Trung Truc, Ly Van Lam ward, Ca Mau province, Vietnam*

²*Quy Nhon Institute of Malaria, Parasitology and Entomology - Quarter 8, Quy Nhon Bac ward, Gia Lai province, Vietnam*

³*School of Medicine and Pharmacy, Tra Vinh University - 126 Nguyen Thien Thanh, Hoa Thuan ward, Vinh Long province, Vietnam*

Received: 22/01/2026

Revised: 22/02/2026; Accepted: 04/06/2026

ABSTRACT

Objectives: To describe the current status of knowledge, attitudes, and practices regarding the prevention of school violence among students of Ca Mau Medical College in 2025, and to identify several related factors.

Methods: A descriptive cross-sectional study was conducted among 385 students enrolled at Ca Mau Medical College in 2025 using structured questionnaires administered via interviews and direct observation with monitoring checklists.

Results: The proportions of students demonstrating correct knowledge, attitudes, and practices regarding school violence prevention were 64.52%, 62.13%, and 70.25%, respectively. Academic performance, living arrangements, and family economic status were related to knowledge, attitudes, and practices, while gender was related to attitudes and practices toward school violence prevention.

Conclusion: The levels of correct knowledge, attitudes, and practices regarding school violence prevention among students at Cà Mau Medical College in 2025 remain limited. Therefore, communication and education activities on school violence prevention should be strengthened continuously through diverse and accessible formats.

Keywords: School violence, knowledge, attitudes, practices, Cà Mau.

*Corresponding author

Email: hodacthoan@gmail.com **Phone:** (+84) 903578264 **DOI:** 10.52163/yhc.v67iCD6.5348



THỰC TRẠNG KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ, THỰC HÀNH VỀ PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ CÀ MAU NĂM 2025 VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN

Lê Minh Thơi¹, Hồ Đắc Thoàn^{2,3*}

¹Trường Cao đẳng Y tế Cà Mau - 146 Nguyễn Trung Trực, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

²Viện Sốt rét, Ký sinh trùng và Côn trùng Quy Nhơn - Khu phố 8, phường Quy Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai, Việt Nam

³Trường Y Dược, Trường Đại học Trà Vinh - 126 Nguyễn Thiện Thành, phường Hòa Thuận, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

Ngày nhận bài: 22/01/2026

Ngày chỉnh sửa: 22/02/2026; Ngày duyệt đăng: 04/06/2026

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng kiến thức thái độ và thực hành về phòng, chống bạo lực học đường của sinh viên Trường Cao đẳng Y tế Cà Mau năm 2025 và một số yếu tố liên quan.

Đối tượng và phương pháp: Nghiên cứu cắt ngang mô tả trên 385 sinh viên đang theo học tại Trường Cao đẳng Y tế Cà Mau năm 2025 bằng phát vấn thông qua bảng câu hỏi và thực hiện quan sát bằng bảng kiểm.

Kết quả: Kiến thức, thái độ và thực hành đúng về phòng, chống bạo lực học đường lần lượt là 64,52%, 62,13% và 70,25%. Cả 3 yếu tố học lực, người sống cùng, kinh tế gia đình đều liên quan đến kiến thức, thái độ, thực hành và giới tính liên quan đến thái độ, thực hành phòng chống bạo lực học đường của sinh viên.

Kết luận: Thực trạng kiến thức, thái độ và thực hành đúng về phòng, chống bạo lực học đường của sinh viên Trường Cao đẳng Y tế Cà Mau năm 2025 còn hạn chế. Do đó, cần tăng cường các hoạt động truyền thông, giáo dục về phòng, chống bạo lực học đường cho sinh viên một cách liên tục với nhiều hình thức đa dạng, dễ tiếp cận.

Từ khóa: Bạo lực học đường, kiến thức, thái độ, thực hành, Cà Mau.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bạo lực học đường hiện nay là một vấn đề đáng lo ngại trong giáo dục, gây ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý, kết quả học tập và sự phát triển toàn diện của sinh viên. Theo báo cáo của UNICEF năm 2018, khoảng 50% học sinh, sinh viên trên toàn cầu đã từng trải qua bạo lực bởi bạn đồng trang lứa trong hoặc xung quanh trường học [1].

Tại Việt Nam, số vụ bạo lực học đường vẫn ở mức đáng báo động, với 1250 vụ được ghi nhận trong năm học 2022-2023, chủ yếu do mâu thuẫn cá nhân, thiếu kỹ năng sống và ảnh hưởng từ môi trường bạo lực [2]. Riêng tại tỉnh Cà Mau, tình trạng bạo lực học đường tiếp tục gia tăng, bao gồm cả bắt nạt tinh thần và quấy rối trên không gian mạng. Nhiều sinh viên chưa được trang bị đầy đủ kiến thức, kỹ năng phòng chống bạo lực và còn e ngại trong việc báo cáo các vụ việc [2].

Tại Trường Cao đẳng Y tế Cà Mau, các hành vi bạo lực cả về thể chất và tinh thần có xu hướng gia tăng, làm suy giảm các giá trị đạo đức và tinh thần đoàn kết trong nhà trường [3]. Đến nay, Trường Cao đẳng Y tế Cà Mau chưa có chương trình can thiệp chuyên sâu và hệ thống về phòng chống bạo lực học đường. Do đó, chúng tôi thực hiện nghiên cứu này nhằm mô tả thực trạng và phân tích một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ, thực hành phòng chống bạo lực học đường của sinh viên Trường Cao

đẳng Y tế Cà Mau nhằm góp phần xây dựng môi trường học tập an toàn, lành mạnh và bền vững.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

385 sinh viên đang theo học tại Trường Cao đẳng Y tế Cà Mau.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Thiết kế nghiên cứu: cắt ngang mô tả.

- Địa điểm và thời gian: tại Trường Cao đẳng Y tế Cà Mau từ tháng 4-9 năm 2025.

- Cỡ mẫu áp dụng công thức:

$$n = Z_{1-\alpha/2}^2 \times \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Với $\alpha = 0,05$; $Z_{1-\alpha/2} = 1,96$; $d = 0,05$; $p = 0,5$ thì cỡ mẫu tối thiểu cần cho nghiên cứu là 385 người.

- Chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng: số lượng mẫu được phân bổ cho từng khối ngành theo tỷ lệ tương ứng với quy mô sinh viên của từng khối ngành.

- Công cụ thu thập số liệu: bộ câu hỏi tự soạn có tham khảo nghiên cứu của Vũ Nguyên Anh và cộng sự (2023) [4]. Bộ

*Tác giả liên hệ

Email: hodacthoan@gmail.com Điện thoại: (+84) 903578264 DOI: 10.52163/yhc.v67iCD6.5348

câu hỏi đã thử nghiệm trên 20 sinh viên (không lựa chọn vào khảo sát), sau đó được chỉnh sửa phù hợp với đối tượng. Chỉ số Cronbach's Alpha các biến số kiến thức đạt 0,85, các biến số thái độ đạt 0,81 và các biến thực hành đạt 0,84.

- Phương pháp thu thập số liệu: phát vấn bằng bộ câu hỏi (sinh viên tự điền).

- Biến số: 12 biến số về đặc điểm của sinh viên, 10 biến số về kiến thức, 5 biến số về thái độ, 5 biến số về thực hành.

- Tiêu chí đánh giá: kiến thức đúng khi người được phỏng vấn trả lời đúng ít nhất 7 câu (7/10 điểm, chiếm 70%), thái độ đúng khi người được phỏng vấn trả lời đúng ít nhất 5 câu (5/7 điểm, chiếm 71%) và thực hành đúng khi người tham gia không tham gia bất kỳ hành vi hay hoạt động nào liên quan đến bạo lực học đường. Thực hành chưa đúng được xác định khi đối tượng không nhận thức đầy đủ về mức độ nguy hại của bạo lực học đường hoặc vẫn có hành vi liên quan.

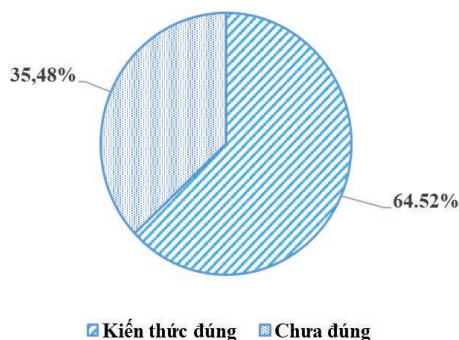
- Xử lý và phân tích số liệu: xử lý số liệu bằng phần mềm Epidata phiên bản 3.1 và phần mềm SPSS phiên bản 20. Các thông tin được trình bày dưới dạng tần số (n) và tỷ lệ phần trăm (%). Kiểm định, phân tích mối liên quan được đo lường bằng tỉ số chênh (OR) và khoảng tin cậy (KTC) 95% với mức ý nghĩa thống kê $p < 0,05$.

2.3. Đạo đức trong nghiên cứu

Nghiên cứu được Hội đồng Đạo đức của Trường Đại học Trà Vinh chấp nhận theo Giấy chấp thuận số 135/GCN.ĐC-HĐĐĐ ngày 04/7/2025 và có sự đồng ý của đối tượng nghiên cứu.

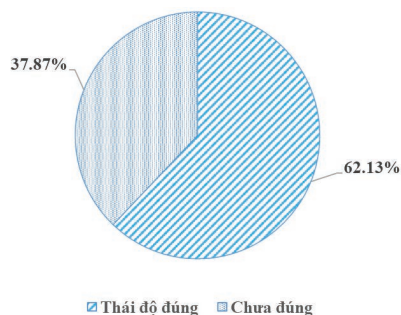
3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng kiến thức, thái độ và thực hành phòng chống bạo lực học đường của sinh viên



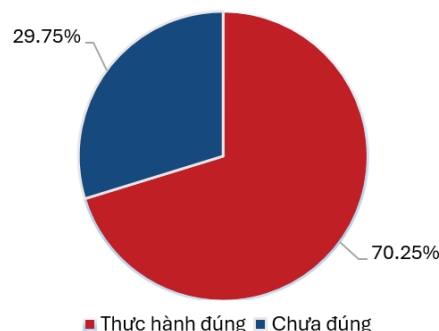
Hình 1. Kiến thức chung về phòng chống bạo lực học đường của sinh viên (n = 385)

Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ sinh viên có kiến thức đúng về phòng chống bạo lực học đường là 64,52%, tỷ lệ sinh viên có kiến thức chưa đúng là 35,48%.



Hình 2. Thái độ chung về phòng chống bạo lực học đường của sinh viên (n = 385)

Kết quả khảo sát về thái độ phòng, chống bạo lực học đường của 385 sinh viên tại Trường Cao đẳng Y tế Cà Mau cho thấy, chỉ có 62,13% sinh viên có thái độ đúng về phòng chống bạo lực học đường, và 37,87% có thái độ chưa đúng.



Hình 3. Thực hành chung về phòng chống bạo lực học đường của sinh viên (n = 385)

Kết quả khảo sát cho thấy có 70,25% sinh viên có thực hành chung đúng về phòng chống bạo lực học đường, và 29,75% có thái độ chưa đúng.

3.2. Một số yếu tố ảnh hưởng đến kiến thức thái độ và thực hành về phòng chống bạo lực học đường

Bảng 1. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức chung về phòng chống bạo lực học đường

Đặc điểm		Kiến thức		OR (KTC 95%)	P
		Đúng	Không đúng		
Giới	Nam (n = 148)	126 (85,1%)	22 (14,9%)	1,31 (0,75-2,28)	0,336
	Nữ (n = 237)	193 (81,4%)	44 (18,6%)		
Dân tộc	Kinh (n = 371)	284 (76,5%)	87 (23,5%)	0,460 (0,15-1,45)	0,175
	Hoa, khác (n = 14)	9 (60,0%)	5 (40,0%)		
Học lực	Giỏi, khá (n = 206)	184 (89,3%)	22 (10,7%)	4,78 (2,73-8,37)	< 0,001
	Trung bình (n = 179)	114 (63,6%)	65 (36,4%)		
Ở với ai khi đi học	Ở cùng gia đình (n = 127)	104 (81,8%)	23 (18,2%)	0,83 (0,47-1,46)	0,517
	Ở trọ hoặc ở với người thân (n = 258)	218 (84,4%)	40 (15,6%)		
Sống cùng ai	Cha và mẹ (n = 317)	263 (83,0%)	54 (17,0%)	3,01 (1,68-5,40)	< 0,001
	Chỉ với cha hoặc mẹ (n = 68)	42 (61,7%)	26 (38,3%)		
Kinh tế gia đình	Khá giả, trung bình (n = 367)	235 (64,0%)	132 (36,0%)	0,22 (0,05-0,98)	0,002*
	Hộ nghèo, cận nghèo (n = 18)	16 (88,9%)	2 (11,1%)		
Nghề nghiệp của bố mẹ	Nghề khác (n = 170)	146 (90,0%)	24 (10,0%)	0,82 (0,45-1,48)	0,501
	Nông dân (n = 215)	189 (87,9%)	26 (12,1%)		
Đi làm thêm	Có (n = 169)	142 (84,0%)	27 (16,0%)	1,02 (0,60-1,73)	0,942
	Không (n = 216)	181 (83,7%)	35 (16,3%)		

Ghi chú: *Fisher exact.

Kết quả phân tích cho thấy học lực ($p < 0,001$), người sống cùng ($p < 0,001$) và kinh tế gia đình ($p = 0,002$) có liên quan đến kiến thức phòng chống bạo lực học đường của sinh viên.

Bảng 2. Một số yếu tố liên quan đến thái độ phòng chống bạo lực học đường

Đặc điểm		Thái độ		OR (KTC 95%)	p
		Đúng	Không đúng		
Giới	Nam (n = 148)	95 (64,2%)	53 (35,8%)	1,54 (1,01-2,36)	0,046
	Nữ (n = 237)	174 (73,4%)	63 (26,6%)		
Dân tộc	Kinh (n = 371)	255 (68,7%)	116 (31,3%)	0,88 (0,27-2,84)	0,830*
	Hoa, khác (n = 14)	10 (70,0%)	4 (30,0%)		
Học lực	Giỏi, khá (n = 206)	189 (90,4%)	17 (9,6%)	5,33 (2,96-9,58)	< 0,001
	Trung bình (n = 179)	121 (67,5%)	58 (32,5%)		
Ở với ai khi đi học	Ở cùng gia đình (n = 127)	110 (86,6%)	17 (13,4%)	1,29 (0,86-1,96)	0,218
	Ở trọ hoặc ở với người thân (n = 258)	215 (83,3%)	43 (16,7%)		
Sống cùng ai	Cha và mẹ (n = 317)	276 (87,0%)	41 (13,0%)	4,43 (2,57-7,64)	< 0,001
	Chỉ với cha hoặc mẹ (n = 68)	41 (60,2%)	27 (39,8%)		
Kinh tế gia đình	Khá giả, trung bình (n = 367)	232 (63,2%)	135 (36,8)	4,40 (2,60-7,44)	< 0,001*
	Hộ nghèo, cận nghèo (n = 18)	16 (88,9%)	2 (11,1%)		
Nghề nghiệp của bố mẹ	Nghề khác (n = 170)	148 (87,1%)	22 (12,9%)	1,18 (0,65-2,21)	0,598
	Nông dân (n = 215)	183 (85,1%)	32 (14,9%)		
Đi làm thêm	Có (n = 169)	135 (79,9%)	34 (20,1%)	0,74 (0,43-1,27)	0,274
	Không (n = 216)	182 (84,3%)	34 (15,7%)		

Ghi chú: *Fisher exact.

Kết quả phân tích cho thấy có 4 yếu tố là giới tính ($p = 0,046$), học lực ($p < 0,001$), sống cùng cha với mẹ ($p < 0,001$) và kinh tế gia đình ($p < 0,001$) có liên quan đến thái độ phòng chống bạo lực học đường của sinh viên.

Bảng 3. Một số yếu tố liên quan đến thực hành chống bạo lực học đường

Đặc điểm		Thực hành		OR (KTC 95%)	p
		Đúng	Không đúng		
Giới	Nam (n = 148)	104 (70,3%)	44 (29,7%)	1,54 (1,01-2,36)	0,046
	Nữ (n = 237)	157 (66,2%)	80 (33,8%)		

Đặc điểm		Thực hành		OR (KTC 95%)	p
		Đúng	Không đúng		
Dân tộc	Kinh (n = 371)	256 (69,0%)	115 (31,0%)	1,14 (0,35-3,69)	0,830
	Hoa, khác (n = 14)	8 (60,0%)	6 (40,0%)		
Học lực	Giỏi, khá (n = 206)	191 (92,7%)	15 (7,3%)	6,58 (3,59-12,05)	< 0,001
	Trung bình (n = 179)	118 (65,9%)	61 (34,1%)		
Ở với ai khi đi học	Ở cùng gia đình (n = 127)	113 (88,9%)	14 (11,1%)	1,48 (0,73-3,01)	0,23
	Ở trọ hoặc ở với người thân (n = 258)	218 (84,4%)	40 (15,6%)		
Sống cùng ai	Cha và mẹ (n = 317)	291 (91,7%)	26 (8,3%)	7,38 (4,10-13,29)	< 0,001
	Chỉ với cha hoặc mẹ (n = 68)	41 (60,0%)	27 (40,0%)		
Kinh tế gia đình	Khá giả, trung bình (n = 367)	231 (62,9%)	136 (37,1%)	0,10 (0,01-0,76)	0,006*
	Hộ nghèo, cận nghèo (n = 18)	17 (94,4%)	1 (5,6%)		
Nghề nghiệp của bố mẹ	Nghề khác (n = 170)	151 (88,8%)	19 (11,2%)	1,09 (0,58-2,04)	0,782
	Nông dân (n = 215)	189 (87,9%)	26 (12,1%)		
Đi làm thêm	Có (n = 169)	148 (87,6%)	21 (12,4%)	1,31 (0,73-2,34)	0,356
	Không (n = 216)	182 (84,2%)	34 (15,8%)		

Ghi chú: *Fisher exact.

Kết quả phân tích cho thấy có 4 yếu tố là giới tính ($p = 0,046$), học lực ($p < 0,001$), người sống cùng ($p < 0,001$) và kinh tế gia đình ($p = 0,006$) có liên quan đến thực hành phòng chống bạo lực học đường của sinh viên.

4. BÀN LUẬN

4.1. Kiến thức, thái độ thực hành về phòng chống bạo lực học đường của sinh viên

- Về kiến thức: kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ sinh viên có kiến thức đúng về phòng, chống bạo lực học đường đạt 64,52%, phản ánh mức độ hiểu biết ở mức trung bình khá. Điều này cho thấy các hoạt động truyền thông, giáo dục trong nhà trường đã đạt được hiệu quả nhất định, song vẫn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu trong bối cảnh bạo lực học đường ngày càng phức tạp, đặc biệt là bạo lực tinh thần và bạo lực trên không gian mạng. So với các nghiên cứu khác, kết quả này tương đồng với một số cơ sở giáo dục có điều kiện tương tự nhưng thấp hơn tại những địa phương có chương trình can thiệp đồng bộ. Sinh viên chủ yếu nhận biết bạo lực qua hành vi xô xát, đánh nhau, trong khi kiến thức về các hình thức bạo lực khác và quy định pháp luật còn hạn chế. Điều này cho thấy cần tăng cường các chương trình giáo dục toàn diện nhằm nâng cao kiến thức và vai trò chủ động của sinh viên trong phòng, chống bạo lực học đường.

- Về thái độ: tỷ lệ sinh viên có thái độ đúng về phòng, chống bạo lực học đường đạt 62,13%, phản ánh mức độ thái độ

tích cực ở mức trung bình. Kết quả này cho thấy đa số sinh viên đã nhận thức được sự cần thiết của việc phòng, chống bạo lực học đường, tuy nhiên vẫn còn một bộ phận sinh viên chưa thể hiện thái độ rõ ràng trong việc phản đối bạo lực và chủ động can thiệp khi xảy ra sự việc. Nguyên nhân có thể liên quan đến tâm lý e ngại, sợ bị ảnh hưởng hoặc thiếu niềm tin vào các kênh hỗ trợ trong nhà trường. Bên cạnh đó, một số sinh viên vẫn còn thái độ thờ ơ hoặc xem bạo lực học đường là vấn đề cá nhân. Điều này cho thấy cần tăng cường các hoạt động giáo dục nhằm thay đổi thái độ, củng cố trách nhiệm và khuyến khích sinh viên tham gia tích cực vào công tác phòng, chống bạo lực học đường.

- Về thực hành: tỷ lệ sinh viên có thực hành đúng về phòng, chống bạo lực học đường đạt 70,25%, cho thấy phần lớn sinh viên đã có những hành vi phù hợp trong việc phòng ngừa và ứng phó với bạo lực học đường. Tỷ lệ này cao hơn so với kiến thức và thái độ, phản ánh rằng sinh viên có xu hướng thực hiện hành vi tích cực khi đối diện với các tình huống bạo lực. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận sinh viên chưa chủ động báo cáo hoặc can thiệp kịp thời khi xảy ra bạo lực. Điều này cho thấy cần tiếp tục củng cố kỹ năng thực hành và xây dựng các cơ chế hỗ trợ hiệu quả trong nhà trường.

4.2. Một số yếu tố ảnh hưởng đến kiến thức, thái độ và thực hành phòng chống bạo lực học đường của sinh viên

Kết quả phân tích cho thấy có 3 yếu tố liên quan có ý nghĩa thống kê đến kiến thức về phòng, chống bạo lực học đường của sinh viên, gồm học lực, người sống cùng và kinh tế gia đình. Sinh viên có học lực khá, giỏi có tỷ lệ kiến thức đúng cao hơn rõ rệt so với nhóm trung bình (89,3% so với 63,6%; $p < 0,001$). Nhận định này phù hợp với kết quả nghiên cứu định tính của Bùi Thị Thanh Diệu (2024): phần lớn học sinh trung học cơ sở chưa nhận thức về hậu quả gây bạo lực cho người khác có kết quả học tập không tốt, một số học sinh không thích học [5]. Sinh viên sống cùng cả cha và mẹ ghi nhận tỷ lệ kiến thức đúng cao hơn so với nhóm chỉ sống với cha hoặc mẹ (83,0% so với 61,7%; $p < 0,001$). Ngoài ra, sinh viên thuộc hộ nghèo và cận nghèo có tỷ lệ kiến thức đúng cao hơn nhóm có điều kiện kinh tế trung bình và khá giả (88,9% so với 64,0%; $p = 0,002$).

Đối với thái độ, có 4 yếu tố liên quan có ý nghĩa thống kê, bao gồm giới tính, học lực, người sống cùng và kinh tế gia đình. Sinh viên nữ có tỷ lệ thái độ đúng cao hơn sinh viên nam (73,4% so với 64,2%; $p = 0,046$). Tương tự, sinh viên có học lực khá, giỏi, và thuộc nhóm hộ nghèo, cận nghèo đều ghi nhận tỷ lệ thái độ đúng cao hơn so với các nhóm còn lại, với mức ý nghĩa thống kê cao ($p < 0,001$). Có thể các sinh viên có điều kiện về kinh tế thường ỷ lại và muốn thể hiện bản thân nên có những biểu hiện thái độ tiêu cực hơn những sinh viên có điều kiện khó khăn thường chăm học. Mặt khác, những sinh viên sống cùng cha và mẹ có thái độ tốt hơn sinh viên chỉ sống cùng cha hoặc mẹ. Kết quả này tương tự nhận định của Bùi Thị Thanh Diệu (2024) với thông tin ghi nhận phản hồi từ đối tượng: học sinh trung học cơ sở có thái độ thích cãi nhau, đánh nhau từ những việc nhỏ là do thiếu sự quan tâm từ gia đình có cha với mẹ cùng quan tâm [5].

Về thực hành, kết quả cho thấy 4 yếu tố có liên quan, gồm giới tính, học lực, người sống cùng và kinh tế gia đình. Nam sinh viên có khả năng thực hành đúng cao hơn nữ sinh viên ($OR = 1,54$; $p = 0,046$), kết quả này phù hợp với nhận định trong nghiên cứu định tính của Vũ Thị Hậu và cộng sự

(2022): cũng theo xu hướng hiện nay thì bạo lực học đường ở nữ gia tăng, có một số lần xảy ra bạo lực học đường, tuy không nhiều nhưng chủ yếu xảy ra ở nữ [6]. Sinh viên có học lực khá, giỏi, sống cùng cả cha và mẹ, và thuộc nhóm hộ nghèo, cận nghèo có tỷ lệ thực hành đúng cao hơn rõ rệt so với các nhóm còn lại, với sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,01$). Kết quả này tương tự với nghiên cứu của Vũ Nguyên Anh và cộng sự: học sinh giỏi ít có hành vi bạo lực hơn so với học sinh trung bình (KTC 95%: 0,03-0,49) và học sinh sống cùng mẹ hoặc bố có nguy cơ bị bạo lực cao hơn 10,2 lần so với học sinh sống với bố và mẹ (KTC 95%: 3,1-33,6) [4].

5. KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát 385 sinh viên đang theo học tại Trường Cao đẳng Y tế Cà Mau năm 2025 cho thấy kiến thức, thái độ và thực hành đúng về phòng, chống bạo lực học đường lần lượt là 64,52%, 62,13% và 70,25%. Cả 3 yếu tố học lực, người sống cùng, kinh tế gia đình đều liên quan đến kiến thức, thái độ, thực hành; và yếu tố giới tính liên quan đến thái độ, thực hành phòng chống bạo lực học đường của sinh viên.

Từ nghiên cứu này, chúng tôi kiến nghị: Ban Giám hiệu Trường Cao đẳng Y tế Cà Mau cần tăng cường chỉ đạo, bố trí kinh phí và phối hợp với các đơn vị liên quan để triển khai hiệu quả các hoạt động phòng, chống bạo lực học đường; cán bộ giảng viên, cố vấn học tập và nhân viên y tế nhà trường tham gia tích cực vào các hoạt động truyền thông, giáo dục về phòng, chống bạo lực học đường cho sinh viên một cách đồng bộ, liên tục với nhiều hình thức đa dạng, đặc biệt chú trọng đến nhóm sinh viên có học lực trung bình, sinh viên chỉ sống với cha hoặc mẹ và những sinh viên có kinh tế gia đình khá giả.

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ngô Phan Anh Tuấn. Biện pháp phòng chống bạo lực học đường trong các cơ sở giáo dục phổ thông. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Đồng Nai, 2019, 15: 1-8.
- [2] Trường Cao đẳng Y tế Cà Mau. Kế hoạch số 88 ngày 07/11/2024 về việc phòng chống bạo lực học đường và các tệ nạn xã hội, 2024.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo. Kế hoạch hành động phòng, chống bạo lực học đường giai đoạn 2020-2025, 2020.
- [4] Vũ Nguyên Anh, Hoàng Đức Trung, Phạm Việt Cường. Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến bạo lực học đường tại một trường trung học phổ thông tại quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội năm 2023. Tạp chí Y học dự phòng, 2024, 34 (6): 58. doi: 10.51403/0868-2836/2024/1922.
- [5] Bùi Thị Thanh Diệu. Nhận thức về bạo lực học đường của học sinh các trường trung học cơ sở quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Tạp chí Khoa học Giáo dục, 2024, 69 (2): 159-170. doi: 10.18173/2354-1075.2024-0033.
- [6] Vũ Thị Hậu, Phạm Thị Huyền Chang, Lê Thị Kim Ánh. Thực trạng và một số yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện hành vi bạo lực học đường của học sinh Trường Trung học Phổ thông Lương Tài 1, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh năm học 2020-2021. Tạp chí Khoa học Nghiên cứu Sức khỏe và Phát triển, 2022, 6 (1): 48-56. doi: 10.38148/JHDS.0601SKPT21-089.